TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GD
TỈNH TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thiều
2. Ông Trần Văn Rọi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐST-HN ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Diệu B, sinh năm: 1991

- *Bị đơn*: Anh Trịnh Hoàng D, sinh năm: 1988

Cùng địa chỉ: Tổ 20, ấp SC A, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Đặng Thị Diệu B trình bày*:

Chị và anh Trịnh Hoàng D chung sống với nhau từ tháng 8/2011 (AL), hôn nhân tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GD, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới gia đình anh D có cho vàng cưới, gồm 01 đôi bông tai, 01 sợi dây, 01 vòng tay, 01 lắc tay tất cả trọng lượng 07 chỉ vàng 24K, riêng 01 cặp nhẫn cưới vàng 18K. Hiện số nữ trang trên không còn do vợ chồng đã bán để trả nợ.

Anh chị sống chung với cha mẹ ruột chị, đến năm 2016 cha mẹ chị có cho 01 phần đất anh chị xây nhà ở riêng tại ấp SC A, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN. Vợ chồng chung sống nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D ghen

tuông vô cớ, thường xuyên đập phá điện thoại của chị, tính tình gia trưởng, những khi chị đi làm về trễ anh D đều kiếm chuyện chửi mắng chị. Ngoài ra, anh D còn hâm dọa giết chị mỗi khi vợ chồng cải nhau. Đến ngày 22 Tết âm lịch năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, anh D đập điện thoại làm cho con sợ khóc nên chị về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 07-02-2018 đến nay. Nay tình cảm của chị đối với anh D không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 01 người con chung là cháu Trịnh Thị Diệu H, sinh ngày 12-6-2012. Hiện cháu H vẫn do anh chị chăm sóc. Nay chị yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà tường cất trên phần đất của cha mẹ ruột chị, chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Trịnh Hoàng D trình bày*:

Về hôn nhân, quá trình chung sống chị B trình bày là đúng. Nhưng về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị B yêu cầu ly hôn là anh không thống nhất. Mỗi khi đi làm về chị B sử dụng điện thoại suốt không dọn dẹp nhà cửa, không chăm lo cho con cái, hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng có cải nhau, anh tức giận có đập điện thoại và đánh vợ 01 lần do chị B thường xuyên kêu anh đưa điện thoại để kiểm tra. Ngày 22-12-2017 (AL), vợ chồng có cải nhau nên chị B qua nhà cha mẹ vợ (cạnh nhà anh) ở cho đến nay. Anh có đến năn nỉ vợ và cha mẹ vợ để vợ chồng đoàn tụ, cha mẹ vợ cũng nói là để khuyên nhủ nhưng chị B không nghe lời. Hàng ngày anh đều sang nhà cha mẹ vợ và trò chuyện cùng gia đình. Anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung, mọi khuyết điểm anh sẽ cố gắng sửa đổi. Trường hợp Tòa án cho anh chị ly hôn.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B, con chung, tài sản và nợ do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Diệu B và anh Trịnh Hoàng D chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị B yêu cầu ly hôn, do anh D không tin

tưởng chị về tình cảm, tính tình gia trưởng. Anh chị sống ly thân từ ngày 07-02-2018 đến nay. Còn anh D thì cho rằng do chị B thường xuyên sử dụng điện thoại không làm việc nhà, không chăm sóc cho con cái, hay yêu cầu anh đưa điện thoại kiểm tra nên anh có tức giận đập điện thoại và đánh chị B một lần, ngoài ra anh chị không có mâu thuẫn gì trầm trọng để dẫn đến ly hôn nên anh yêu cầu được đoàn tụ.

[2] Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị B và anh D chưa đến mức trầm trọng, anh chị chỉ mâu thuẫn nhỏ vì cả hai ghen tuông vô cớ, chị B cũng thừa nhận, chị thấy con thì đã có bà ngoại chăm sóc nên chị thường xuyên sử dụng điện thoại lên mạng xã hội, chị B và anh D đều xác nhận anh D có sang nhà gặp cha mẹ của chị B để năn nỉ bàn bạc đoàn tụ và anh chị thường xuyên trò chuyện với nhau. Tại phiên tòa, anh D hứa sửa đổi khuyết điểm và anh tha thiết được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị B là không phù hợp và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Diệu B đối với anh Trịnh Hoàng D.

2. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013128 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Chị B đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui